DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TƯ NHÂN QUỐC THỊNH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 196/TB-ĐG	*Quy Nhơn, ngày 09 tháng 9 năm 2026*

THÔNG BÁO
(Về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở)

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh, trụ sở chính: Lô 20-6 đường Nguyễn Bính, khu đô thị mới An Phú Thịnh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

2. Người có tài sản: Ban Quản lý xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai, địa chỉ: Thôn Đại Thuận, xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai.

3. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất ở tại các Khu dân cư xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai.

- Số lượng: 49 lô, tổng diện tích: 8.389,1m^2, tổng giá khởi điểm: 20.874.392.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ, tám trăm bảy mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Cụ thể:

a, Khu dân cư thôn Đại Thuận xã Mỹ Hiệp (cũ)

- Khu C tờ bản đồ số 36

+ Mặt hướng Bắc, đường N2, lộ gới 14m: 1 lô, diện tích 204,7 m^2, giá khởi điểm: 736.920.000 đồng.

+ Mặt hướng Nam, đường N3, lộ giới 14m: 7 lô, diện tích 1.066,4 m^2, giá khởi điểm: 2.985.920.000 đồng.

+ Mặt hướng Tây, đường D1, lộ giới 14m: 2 lô, diện tích 429,4 m^2, giá khởi điểm: 1.159.380.000 đồng.

- Khu D tờ bản đồ số 36

+ Mặt hướng Bắc, đường N3, lộ giới 14m: 10 lô, diện tích 1.589,8 m^2, giá khởi điểm: 4.421.952.000 đồng.

+ Mặt hướng Nam, đường D1, lộ giới 14m: 5 lô, diện tích 761,9 m^2, giá khởi điểm: 2.057.130.000 đồng.

+ Mặt hướng Tây, đường D1, lộ giới 14m: 2 lô, diện tích 429,1 m^2, giá khởi điểm: 1.158.570.000 đồng.

- Khu E tờ bản đồ số 36

+ Mặt hướng Đông, đường D3, lộ giới 12m: 5 lô, diện tích 936,0 m^2, giá khởi điểm: 2.527.200.000 đồng.

+ Mặt hướng Tây, đường D2, lộ giới 14m: 2 lô, diện tích 374,4 m^2, giá khởi điểm: 1.048.320.000 đồng.

b, Khu dân cư xã Mỹ Tài (cũ)

- Khu dân cư thôn Vĩnh Phú 3 (tờ bản đồ số 16)

+ Mặt hướng Đông Nam, đường bê tông 3m: 9 lô, diện tích 1.471,5 m^2, giá khởi điểm: 3.090.150.000 đồng.

- Khu dân cư thôn Mỹ Hội 2 (tờ bản đồ số 16)

+ Mặt hướng Tây Nam, đường bê tông 3m: 6 lô, diện tích 1.125,9 m^2, giá khởi điểm: 1.688.850.000 đồng.

(Ký hiệu, vị trí, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ, bước giá của từng lô đất: Có phụ lục kèm theo).

4. Thời gian xem tài sản: Từ ngày niêm yết thông báo đến ngày mở cuộc đấu giá. Địa điểm xem tài sản: Tại nơi có tài sản.

5. Thời gian địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

+ Tại Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh: Trong giờ hành chính từ ngày niêm yết thông báo đấu giá đến trước 16h30 ngày 26/9/2026.

+ Tại Hội trường UBND xã Phù Mỹ Nam: Từ 08h00 đến trước 16h30 ngày 28/9/2026.

6. Nộp tiền đặt trước: 20% giá trị khởi điểm của lô đất, khách hàng phải nộp riêng số tiền đặt trước theo từng lô đất quy định tại thông báo này.

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ ngày niêm yết thông báo đến trước 16h30 ngày 28/9/2026.

- Tiền đặt trước nộp vào tài khoản: Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh. STK: **111002783955** tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) - CN KCN Phú Tài hoặc STK: **5588166868** tại Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – CN Quy Nhơn hoặc STK: **444555588** tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – CN Bình Định hoặc STK: **1246797979** tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) – CN Quy Nhơn.

7. Điều kiện và cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Những người pháp luật không cấm đấu giá quyền sử dụng đất ở có nhu cầu đấu giá: liên hệ Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh để mua hồ sơ mời tham gia đấu giá theo mẫu do Doanh nghiệp phát hành; điền đầy đủ nội dung và ký tên trong phiếu đăng ký tham gia đấu giá.

- Khách hàng tham gia đấu giá phải nộp đủ 01 bộ hồ sơ và tiền đặt trước 20% giá trị khởi điểm của lô đất trong thời gian quy định theo thông báo để tham gia đấu giá.

* ***Hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ gồm***:

- 01 Phiếu đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu của Doanh nghiệp phát hành,

- 01 thẻ CCCD/CC (bản photo),

- 01 chứng từ nộp tiền đặt trước và tiền hồ sơ (không in nhiệt), cụ thể:

+ Chứng từ nộp tiền đặt trước và tiền hồ sơ để đấu giá tài sản khách hàng ghi *".Họ tên người đăng ký..nộp tiền đặt trước và tiền hồ sơ đấu giá QSD đất xã Phù Mỹ*

Nam". Người đã nộp tiền đặt trước không được nộp thay cho người khác tham gia đấu giá trong cùng 01 lô đất.

+ Đối với trường hợp người khác nộp hoặc chuyển tiền thay cho người tham gia đấu giá thì phần nội dung chuyển tiền phải thể hiện họ tên đầy đủ của người tham gia đấu giá. Người nộp hoặc chuyển tiền thay không được nộp thay cho người thứ 02 trong cùng 01 lô đất và cũng không được tham gia đấu giá trong cùng 01 lô đất.

- 01 phiếu trả giá vòng gián tiếp (vòng 1): thấp nhất phải bằng giá khởi điểm.

Tất cả các loại giấy tờ này khách hàng tự bấm chung, bỏ vào bì đựng hồ sơ đã phủ chất bảo mật do Doanh nghiệp cung cấp, dán, ký tên vào mép niêm phong bì đựng hồ sơ.

Khách hàng phải ghi đầy đủ họ và tên người đăng ký, tài sản đấu giá trên bì đựng hồ sơ, nộp vào thùng đựng hồ sơ của Doanh nghiệp đã niêm phong.

* Lưu ý:

Những người không được tham gia đấu giá QSD đất được quy định tại Điều 8 Quyết định số 77/2025/QĐ-UBND ngày 07/12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai không nộp hồ sơ đăng ký đấu giá.

8. Thời gian, địa điểm đấu giá: Từ 08h00 ngày 01/10/2026 tại Hội trường UBND xã Phù Mỹ Nam.

9. Hình thức đấu giá: Đấu giá từng lô đất, kết hợp bỏ phiếu gián tiếp khi nộp hồ sơ đấu giá và đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá. **Phương thức đấu giá**: trả giá lên.

10. Quy định về phiếu trả giá hợp lệ; phiếu trả giá không hợp lệ:

- Những phiếu trả giá hợp lệ là phiếu ghi đầy đủ nội dung, giá khởi điểm, có số bước giá trả ít nhất bằng giá khởi điểm; số bước giá trả được ghi đầy đủ bằng số, bằng chữ và ký tên.

- Phiếu trả giá không hợp lệ là phiếu trả giá thấp hơn giá khởi điểm, ghi sai nội dung, nội dung ghi không đầy đủ, dùng mực đỏ, mực bút chì, không viết cùng 01 màu mực, sử dụng mực bay màu, bị gạch bỏ, sửa chữa, tẩy xóa và không ký tên.

11. Cách ghi phiếu trả giá, thời hạn nộp phiếu trả giá, trình tự thủ tục niêm phong, mở niêm phong thùng phiếu trả giá:

Người tham gia đấu giá phải ghi đầy đủ họ và tên, số CCCD, ngày cấp, nơi cấp; ghi giá khởi điểm của tài sản; số bước giá trả bằng số, bằng chữ; ghi ngày tháng năm trả giá; ký tên.

- Thời gian nộp phiếu trả giá: Trước 16h30 ngày 28/9/2026.

- Thời gian dán niêm phong thùng đựng phiếu trả giá:16h30 ngày 28/9/2026.

- Thời gian mở niêm phong thùng đựng phiếu trả giá: 08h00 ngày 01/10/2026.

Đại diện Người tham gia đấu giá được mời chứng kiến việc dán niêm phong, mở niêm phong thùng đựng phiếu trả giá, dưới sự giám sát của người có tài sản và khách mời dự và giám sát cuộc đấu giá.

Các chi tiết khác vui lòng liên hệ: **Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh**, Lô 20-6 đường Nguyễn Bính, khu đô thị mới An Phú Thịnh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai. ĐT: **0911292557; 0905824457** hoặc xem thông báo số 195/TB-ĐG ngày 09/9/2026 tại Ban Quản lý xã Phù Mỹ Nam hoặc tại UBND xã Phù Mỹ Nam hoặc trên Website: https://daugiaquocthinh.com./.

Nơi nhận:
- Sở Tư Pháp, Sở Tài Chính đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Cơ quan;
- Ban Quản lý xã Phù Mỹ Nam (niêm yết);
- UBND xã Phù Mỹ Nam (niêm yết);
- Cổng đấu giá tài sản Quốc gia (TB);
- Báo Thanh Niên (TB);
- Niêm yết DN, lưu HS.

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.H.Đ: 52.2019.03.0003.D.N.T.N
DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TƯ NHÂN QUỐC THỊNH
P.QUY NHƠN T.GIA LAI

Nguyễn Quốc Thịnh

PHỤ LỤC

VỊ TRÍ, SỐ LÔ, KÍCH THƯỚC, DIỆN TÍCH, GIÁ KHỞI ĐIỂM, TIỀN ĐẶT TRƯỚC, HỒ SƠ, BƯỚC GIÁ CÁC LÔ ĐẤT TẠI CÁC KHU DÂN CƯ XÃ PHÙ MỸ NAM, TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Thông báo số 196/TB-ĐG ngày 09/9/2026 của Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh)

Thời gian bán và nhận hồ sơ: Từ ngày niêm yết thông báo đến trước 16h30 ngày 28/9/2026

Thời gian tổ chức đấu giá: Từ 8h00 ngày 01/10/2026 tại Hội trường UBND xã Phù Mỹ Nam

STT	Ký hiệu lô đất	Tờ bản đồ	Kích thước (m2)		Diện tích	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước và tiền hồ sơ (đồng)
			Dài	Rộng		đ/m2	Thành tiền				
Quỹ đất do UBND xã Phù Mỹ Nam quản lý					**8,389.1**		**20,874,392,000**	**4,172,900,000**			
I	**KDC thôn Vĩnh Phú 3 (tờ bản đồ 16), mặt hướng Đông Nam, đường bê tông 3m**				**1,471.5**		**3,090,150,000**	**617,900,000**			
1	**3**				157.5	2,100,000	330,750,000	66,100,000	100,000	12,000,000	66,200,000
2	**4**				160.5	2,100,000	337,050,000	67,400,000	100,000	12,000,000	67,500,000
3	**5**				163.5	2,100,000	343,350,000	68,600,000	100,000	12,000,000	68,700,000
4	**6**				165.0	2,100,000	346,500,000	69,300,000	100,000	12,000,000	69,400,000
5	**7**				165.0	2,100,000	346,500,000	69,300,000	100,000	12,000,000	69,400,000
6	**8**				165.0	2,100,000	346,500,000	69,300,000	100,000	12,000,000	69,400,000
7	**9**				165.0	2,100,000	346,500,000	69,300,000	100,000	12,000,000	69,400,000
8	**10**				165.0	2,100,000	346,500,000	69,300,000	100,000	12,000,000	69,400,000
9	**11**				165.0	2,100,000	346,500,000	69,300,000	100,000	12,000,000	69,400,000
II	**KDC thôn Mỹ Hội 2 (tờ bản đồ 16), mặt hướng Tây Nam, đường bê tông 3m**				**1,125.9**		**1,688,850,000**	**337,300,000**			
10	**1**				253.6	1,500,000	380,400,000	76,000,000	100,000	12,000,000	76,100,000
11	**2**				185.9	1,500,000	278,850,000	55,700,000	100,000	10,000,000	55,800,000
12	**3**				171.6	1,500,000	257,400,000	51,400,000	100,000	10,000,000	51,500,000
13	**4**				171.6	1,500,000	257,400,000	51,400,000	100,000	10,000,000	51,500,000

STT	Ký hiệu lô đất	Tờ bản đồ	Kích thước (m2)		Diện tích	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước và tiền hồ sơ (đồng)
			Dài	Rộng		đ/m2	Thành tiền				
14	**5**				171.6	1,500,000	257,400,000	51,400,000	100,000	10,000,000	51,500,000
15	**6**				171.6	1,500,000	257,400,000	51,400,000	100,000	10,000,000	51,500,000
III	**KDC thôn Đại Thuận (Khu C tờ bản đồ số 36, mặt hướng Bắc, đường N2, lộ gới 14m)**				**204.7**		**736,920,000**	**147,300,000**			
16	**2**	36			204.7	3,600,000	736,920,000	147,300,000	100,000	30,000,000	147,400,000
IV	**KDC thôn Đại Thuận (Khu C tờ bản đồ số 36, mặt hướng Nam, đường N3, lộ giới 14m)**				**1,066.4**		**2,985,920,000**	**597,100,000**			
17	**28**	36	25.0	6.0	150.0	2,800,000	420,000,000	84,000,000	100,000	15,000,000	84,100,000
18	**29**	36	25.0	6.0	150.0	2,800,000	420,000,000	84,000,000	100,000	15,000,000	84,100,000
19	**32**	36	25.0	6.0	150.0	2,800,000	420,000,000	84,000,000	100,000	15,000,000	84,100,000
20	**33**	36	25.0	6.0	150.0	2,800,000	420,000,000	84,000,000	100,000	15,000,000	84,100,000
21	**34**	36	25.0	6.0	150.0	2,800,000	420,000,000	84,000,000	100,000	15,000,000	84,100,000
22	**35**	36	25.0	6.0	150.0	2,800,000	420,000,000	84,000,000	100,000	15,000,000	84,100,000
23	**36**	36			166.4	2,800,000	465,920,000	93,100,000	100,000	15,000,000	93,200,000
V	**KDC thôn Đại Thuận (Khu C tờ bản đồ số 36, mặt hướng Tây, đường D1, lộ giới 14m)**				**429.4**		**1,159,380,000**	**231,700,000**			
24	**37**	36			237.0	2,700,000	639,900,000	127,900,000	100,000	25,000,000	128,000,000
25	**1**	36			192.4	2,700,000	519,480,000	103,800,000	100,000	20,000,000	103,900,000
VI	**KDC thôn Đại Thuận (Khu D tờ bản đồ số 36, mặt hướng Bắc, đường N3, lộ giới 14m)**				**1,589.8**		**4,421,952,000**	**884,300,000**			
26	**2**	36			239.8	3,240,000	776,952,000	155,300,000	100,000	30,000,000	155,400,000
27	**3**	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000

STT	Ký hiệu lô đất	Tờ bản đồ	Kích thước (m2)		Diện tích	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước và tiền hồ sơ (đồng)
			Dài	Rộng		đ/m2	Thành tiền				
28	**4**	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
29	**5**	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
30	**6**	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
31	**7**	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
32	**8**	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
33	**9**	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
34	**10**	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
35	**11**	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
VII	**KDC thôn Đại Thuận (Khu D tờ bản đồ số 36, mặt hướng Nam, đường D1, lộ giới 14m)**				**761.9**		**2,057,130,000**	**411,100,000**			
36	**17**	36			163.7	2,700,000	441,990,000	88,300,000	100,000	15,000,000	88,400,000
37	**18**	36			158.0	2,700,000	426,600,000	85,300,000	100,000	15,000,000	85,400,000
38	**19**	36			152.4	2,700,000	411,480,000	82,200,000	100,000	15,000,000	82,300,000
39	**20**	36			146.7	2,700,000	396,090,000	79,200,000	100,000	12,000,000	79,300,000
40	**21**	36			141.1	2,700,000	380,970,000	76,100,000	100,000	12,000,000	76,200,000
VIII	**KDC thôn Đại Thuận (Khu D tờ bản đồ số 36, mặt hướng Tây, đường D1, lộ giới 14m)**				**429.1**		**1,158,570,000**	**231,600,000**			
41	**23**	36			232.3	2,700,000	627,210,000	125,400,000	100,000	25,000,000	125,500,000
42	**1**	36			196.8	2,700,000	531,360,000	106,200,000	100,000	20,000,000	106,300,000
IX	**KDC thôn Đại Thuận (Khu E tờ bản đồ số 36, mặt hướng Đông, đường D3, lộ giới 12m)**				**936.0**		**2,527,200,000**	**505,000,000**			
43	**16**	36			187.2	2,700,000	505,440,000	101,000,000	100,000	20,000,000	101,100,000

STT	Ký hiệu lô đất	Tờ bản đồ	Kích thước (m2)		Diện tích	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước và tiền hồ sơ (đồng)
			Dài	Rộng		đ/m2	Thành tiền				
44	**17**	36			187.2	2,700,000	505,440,000	101,000,000	100,000	20,000,000	101,100,000
45	**18**	36			187.2	2,700,000	505,440,000	101,000,000	100,000	20,000,000	101,100,000
46	**19**	36			187.2	2,700,000	505,440,000	101,000,000	100,000	20,000,000	101,100,000
47	**21**	36			187.2	2,700,000	505,440,000	101,000,000	100,000	20,000,000	101,100,000
X	**KDC thôn Đại Thuận (Khu E tờ bản đồ số 36, mặt hướng Tây, đường D2, lộ giới 14m)**				**374.4**		**1,048,320,000**	**209,600,000**			
48	**28**	36			187.2	2,800,000	524,160,000	104,800,000	100,000	20,000,000	104,900,000
49	**29**	36			187.2	2,800,000	524,160,000	104,800,000	100,000	20,000,000	104,900,000